

Số: 2123 /TB-SGD&ĐT

Hoà Bình, ngày 19 tháng 10 năm 2012

**THÔNG BÁO**  
**Của Hội đồng kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn  
tuyển dụng viên chức khối trực thuộc.**  
**Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình năm 2012.**

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-SGD&ĐT ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình về việc thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch viên chức;

Hội đồng kiểm tra sát hạch viên chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình thông báo thời gian làm việc và công bố danh sách số báo danh, phòng thi của thí sinh đủ điều kiện tham gia kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình thông báo nội dung nêu trên đến toàn thể các thí sinh đủ điều kiện xét tuyển viên chức năm 2012 biết; đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố thông báo cho cán bộ, giáo viên, sinh viên và những người có nhu cầu biết nội dung trên./. Hv

**Nơi nhận:**

- Các Đơn vị trực thuộc Sở;
- Các phòng GD&ĐT;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu VT, TCCB.



**Bùi Ngọc Đảo**



# THÔNG BÁO

THỜI GIAN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN

**BUỔI SÁNG: TỪ 07 H 00 PHÚT ĐẾN 11 H 30 PHÚT.**  
**BUỔI CHIỀU: TỪ 13 H 00 PHÚT ĐẾN 17 H 00 PHÚT.**

**YÊU CẦU: THÍ SINH CÓ MẶT TRƯỚC GIỜ LÀM VIỆC 15 PHÚT.**



**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

# THÔNG BÁO

LỊCH KIỂM TRA SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN THEO THỨ TỰ CÁC PHÒNG NHƯ SAU:

**\* BUỔI SÁNG NGÀY 20/10/2012:**

- PHÒNG 1,2 KHỐI DTNT VÀ CÁC THÍ SINH CÓ SBD 51 ĐẾN SBD 60 P3.
- PHÒNG 8,9 KHỐI THPT VÀ CÁC THÍ SINH CÓ SBD 232 ĐẾN SBD 241 P10.

**\* BUỔI CHIỀU NGÀY 20/10/2012:**

- PHÒNG 3,4 KHỐI DTNT VÀ CÁC THÍ SINH CÓ SBD 105 ĐẾN SBD 114 P5.
- PHÒNG 10,11 KHỐI THPT VÀ CÁC THÍ SINH CÓ SBD 279 ĐẾN SBD 288 P12.

**\* BUỔI SÁNG NGÀY 21/10/2012:**

- PHÒNG 5,6 KHỐI DTNT VÀ CÁC THÍ SINH CÓ SBD 151 ĐẾN SBD 160 P7.
- PHÒNG 12,13 KHỐI THPT VÀ CÁC THÍ SINH CÓ SBD 330 ĐẾN SBD 339 P14.

**\* BUỔI CHIỀU NGÀY 21/10/2012:**

- PHÒNG 7 KHỐI DTNT
- PHÒNG 14,15,16 KHỐI THPT

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 1**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên        |       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu      |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|------------------|-------|-----------------------|-----------|--------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |                  |       |                       |           | Xã           | huyện       |               |                       |
| 1     | 01          | Bùi Thị Ngọc     | Bích  | 29/10/1989            | Nữ        | TT Hàng Trạm | Yên Thủy    | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 2     | 02          | Bùi Thị          | Bức   | 12/12/1989            | Nữ        | Phú Cường    | Tân Lạc     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 3     | 03          | Phạm Minh        | Cảnh  | 01/02/1988            | Nam       | Đông Lai     | Tân Lạc     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 4     | 04          | Bùi Thị          | Châm  | 10/03/1983            | Nữ        | Sào Báy      | Kim Bôi     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 5     | 05          | Phạm Thị         | Danh  | 18/11/1989            | Nữ        | Lỗ Sơn       | Tân Lạc     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 6     | 06          | Bach Bach        | Dương | 14/02/1987            | Nam       | Vĩnh Tiến    | Kim Bôi     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 7     | 07          | Bùi Thị Hồng     | Duyên | 17/08/1989            | Nữ        | Bình Chân    | Lạc Sơn     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 8     | 08          | Phạm Thị         | Đào   | 21/01/1988            | Nữ        | Bảo Hiệu     | Yên Thủy    | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 9     | 09          | Trần Thị Thu     | Giang | 01/07/1986            | Nữ        | Hữu Nghị     | TP Hòa Bình | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 10    | 10          | Phí Thị Ngọc     | Hà    | 09/11/1988            | Nữ        | TT Bo        | Kim Bôi     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 11    | 11          | Nguyễn Thị Thanh | Hải   | 28/08/1989            | Nữ        | Hữu Nghị     | TP Hòa Bình | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 12    | 12          | Bùi Thị          | Hằng  | 17/02/1987            | Nữ        | Thị Trấn     | Cao Phong   | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 13    | 13          | Vũ Thị           | Hồng  | 20/12/1989            | Nữ        | Tây Phong    | Cao Phong   | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 14    | 14          | Bùi Thị          | Hiển  | 24/06/1988            | Nữ        | Mãn Đức      | Tân Lạc     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 15    | 15          | Bùi Thị          | Hiển  | 02/04/1989            | Nữ        | Vũ Lâm       | Lạc Sơn     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 16    | 16          | Bùi Thị          | Hoàn  | 19/07/1989            | Nữ        | Vĩnh Đồng    | Kim Bôi     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 17    | 17          | Nguyễn Thị       | Hòa   | 02/07/1989            | Nữ        | Mãn Đức      | Tân Lạc     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 18    | 18          | Bùi Thị          | Huế   | 18/03/1986            | Nữ        | Liên Vũ      | Lạc Sơn     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 19    | 19          | Bùi Thị Thu      | Hương | 20/11/1986            | Nữ        | Nhân Nghĩa   | Lạc Sơn     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 20    | 20          | Ngô Thị          | Hương | 21/12/1988            | Nữ        | Quy Hậu      | Tân Lạc     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 21    | 21          | Nguyễn Thị Thu   | Hương | 02/10/1990            | Nữ        | Long Sơn     | Lương Sơn   | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 22    | 22          | Phạm Thị Thu     | Hương | 19/05/1990            | Nữ        | Đông Lai     | Tân Lạc     | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 23    | 23          | Quách Thị        | Hương | 25/11/1987            | Nữ        | TT Hàng Trạm | Yên Thủy    | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 24    | 24          | Vũ Thị Lan       | Hương | 01/10/1986            | Nữ        | Châm Mát     | TP Hòa Bình | Ngữ Văn       | DTNT                  |
| 25    | 25          | Bùi Văn          | Kiên  | 17/09/1985            | Nam       | Thượng Bì    | Kim Bôi     | Ngữ Văn       | DTNT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Bùi Ngọc Đảo

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC**

**PHÒNG SỐ 2**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên         |        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu    |             | Ngành Đăng ký | Khởi thảo kế dự tuyển |
|-------|-------------|-------------------|--------|-----------------------|-----------|------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |                   |        |                       |           | Xã         | huyện       |               |                       |
| 1     | 26          | Nguyễn Phương     | Linh   | 17/05/1989            | Nữ        | Kim Bình   | Kim Bôi     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 2     | 27          | Đinh Thị          | Loan   | 01/05/1988            | Nữ        | Mường Khén | Tân Lạc     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 3     | 28          | Nguyễn Thị        | Loan   | 16/06/1989            | Nữ        | Hữu Nghị   | TP Hòa Bình | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 4     | 29          | Nguyễn Thị        | Mai    | 10/04/1988            | Nữ        | Yên Trị    | Yên Thủy    | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 5     | 30          | Đỗ Thị ánh        | Nguyệt | 18/02/1989            | Nữ        | Hàng Trám  | Yên Thủy    | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 6     | 31          | Bùi Thị           | Nhâm   | 20/08/1988            | Nữ        | Do Nhân    | Tân Lạc     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 7     | 32          | Bùi Thị           | Nhìn   | 08/09/1989            | Nữ        | Trung Hòa  | Tân Lạc     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 8     | 33          | Bùi Thị           | Nhuộng | 03/05/1990            | Nữ        | Tân Lập    | Lạc Sơn     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 9     | 34          | Bùi Thị           | Niêm   | 20/06/1990            | Nữ        | Liên Vũ    | Lạc Sơn     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 10    | 35          | Bùi Thị Thu       | Phuong | 08/08/1988            | Nữ        | Kim Bình   | Kim Bôi     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 11    | 36          | Bùi Văn           | Quyết  | 05/05/1988            | Nam       | Thượng Bì  | Kim Bôi     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 12    | 37          | Nguyễn Thị        | Sen    | 20/06/1989            | Nữ        | Mường Khén | Tân Lạc     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 13    | 38          | Bùi Thị           | Thanh  | 15/06/1989            | Nữ        | Trung Bì   | Kim Bôi     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 14    | 39          | Quách Thị Thu     | Thanh  | 26/07/1987            | Nữ        | Đa Phúc    | Yên Thủy    | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 15    | 40          | Nguyễn Thị Hồng   | Thắm   | 02/10/1988            | Nữ        | Tân Hòa    | TP Hòa Bình | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 16    | 41          | Nguyễn Thị Phương | Thảo   | 07/11/1986            | Nữ        | Dân Hạ     | Kỳ Sơn      | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 17    | 42          | Nguyễn Thúy       | Thâu   | 21/07/1983            | Nữ        | Hòa Sơn    | Lương Sơn   | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 18    | 43          | Bùi Thị           | Thùy   | 16/03/1987            | Nữ        | Đông Lai   | Tân Lạc     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 19    | 44          | Nguyễn Thị        | Thùy   | 13/07/1987            | Nữ        | Nhân Nghĩa | Lạc Sơn     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 20    | 45          | Hoàng Thu         | Thủy   | 08/03/1988            | Nữ        | Yên Trị    | Yên Thủy    | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 21    | 46          | Đinh Thị          | Thúy   | 26/09/1989            | Nữ        | Lũng Ván   | Tân Lạc     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 22    | 47          | Triệu Thị         | Tĩnh   | 26/01/1990            | Nữ        | Tú Sơn     | Kim Bôi     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 23    | 48          | Đỗ Như            | Trang  | 10/07/1987            | Nữ        | Nhân Nghĩa | Lạc Sơn     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 24    | 49          | Phạm Thị Huyền    | Trang  | 13/06/1986            | Nữ        | Mường Khén | Tân Lạc     | Ngũ Văn       | DTNT                  |
| 25    | 50          | Vũ Thị Thu        | Trang  | 04/07/1988            | Nữ        | Tân Thịnh  | TP Hòa Bình | Ngũ Văn       | DTNT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

  
Bùi Ngọc Đào

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 3**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên    |       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu      |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|--------------|-------|-----------------------|-----------|--------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |              |       |                       |           | Xã           | huyện       |               |                       |
| 1     | 51          | Bùi Kiều     | Anh   | 05/08/1989            | Nữ        | Vụ Bản       | Lạc Sơn     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 2     | 52          | Nguyễn Lan   | Anh   | 28/07/1990            | Nữ        | Thái Bình    | TP Hòa Bình | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 3     | 53          | Xa Thị       | Chinh | 16/02/1987            | Nữ        | Đoàn Kết     | Đà Bắc      | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 4     | 54          | Bùi Thị      | Cúc   | 10/12/1988            | Nữ        | Phong Phú    | Tân Lạc     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 5     | 55          | Bùi Thị      | Diệu  | 10/02/1990            | Nữ        | Ngọc Mỹ      | Tân Lạc     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 6     | 56          | Đặng Thị     | Dung  | 26/04/1990            | Nữ        | Toàn Sơn     | Đà Bắc      | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 7     | 57          | Bùi Thị      | Định  | 01/02/1987            | Nữ        | Đú Sáng      | Kim Bôi     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 8     | 58          | Lê Thị       | Hà    | 11/05/1990            | Nữ        | Yên Trị      | Yên Thủy    | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 9     | 59          | Trần Thu     | Hà    | 20/12/1988            | Nữ        | TT Kỳ Sơn    | Kỳ Sơn      | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 10    | 60          | Nguyễn Thị   | Hằng  | 21/03/1989            | Nữ        | Đông Lai     | Tân Lạc     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 11    | 61          | Bùi Thị      | Hương | 01/01/1989            | Nữ        | Phong Phú    | Tân Lạc     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 12    | 62          | Bùi Thị      | Khánh | 07/05/1986            | Nữ        | Phú Lai      | Yên Thủy    | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 13    | 63          | Quách Thị    | Lan   | 29/12/1986            | Nữ        | Lạc Hưng     | Yên Thủy    | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 14    | 64          | Trần Thị Mai | Loan  | 28/05/1989            | Nữ        | Xuất Hóa     | Lạc Sơn     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 15    | 65          | Đình Thị     | Luyện | 02/09/1989            | Nữ        | Vĩnh Tiến    | Kim Bôi     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 16    | 66          | Bùi Thị Thúy | Ngân  | 17/02/1986            | Nữ        | Mường Khến   | Tân Lạc     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 17    | 67          | Bùi Thị      | Ngân  | 09/07/1987            | Nữ        | Quy Mỹ       | Tân Lạc     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 18    | 68          | Bạch Như     | Ngân  | 05/09/1987            | Nữ        | Tú Sơn       | Kim Bôi     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 19    | 69          | Bùi Thị      | Ngọc  | 10/12/1987            | Nữ        | Liên Vũ      | Lạc Sơn     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 20    | 70          | Kiều Thị     | Nụ    | 19/09/1988            | Nữ        | Ngọc Lương   | Yên Thủy    | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 21    | 71          | Nguyễn Thị   | Thành | 15/04/1987            | Nữ        | Vĩnh Tiến    | Kim Bôi     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 22    | 72          | Hồ Thị Thu   | Thanh | 14/05/1989            | Nữ        | Hữu Nghị     | TP Hòa Bình | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 23    | 73          | Đình Thị     | Thủy  | 29/11/1984            | Nữ        | Ngọc Lương   | Yên Thủy    | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 24    | 74          | Bùi Thị Thu  | Thủy  | 15/07/1989            | Nữ        | Nam Thượng   | Kim Bôi     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 25    | 75          | Phạm Thị     | Thủy  | 21/11/1989            | Nữ        | Yên Lạc      | Yên Thủy    | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 26    | 76          | Phạm Thị Thu | Thủy  | 05/05/1988            | Nữ        | Chăm Mát     | TP Hòa Bình | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 27    | 77          | Ngô Phương   | Thúy  | 13/02/1989            | Nữ        | Mường Khến   | Tân Lạc     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 28    | 78          | Vũ Thị       | Thu   | 20/11/1990            | Nữ        | Yên Trị      | Yên Thủy    | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 29    | 79          | Phùng Thị    | Tin   | 28/07/1989            | Nữ        | Thống Nhất   | TP Hòa Bình | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 30    | 80          | Nguyễn Hoàng | Tùng  | 18/06/1986            | Nam       | Yên Bông     | Lạc Thủy    | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 31    | 81          | Bùi Thị      | Trang | 31/07/1990            | Nữ        | Phong Phú    | Tân Lạc     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 32    | 82          | Vũ Thị Thu   | Trang | 11/11/1986            | Nữ        | Sào Báy      | Kim Bôi     | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 33    | 83          | Trần Đình    | Tuấn  | 28/06/1989            | Nam       | Lạc Thịnh    | Yên Thủy    | Lịch Sử       | DTNT                  |
| 34    | 84          | Nguyễn Đức   | Vượng | 06/12/1990            | Nam       | TT Hàng Trạm | Yên Thủy    | Lịch Sử       | DTNT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

  
Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên      |        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu    |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|----------------|--------|-----------------------|-----------|------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |                |        |                       |           | Xã         | huyện       |               |                       |
| 1     | 85          | Bùi Văn        | Kỷ     | 05/09/1984            | Nam       | TT Đà Bắc  | Đà Bắc      | Công nghệ     | DTNT                  |
| 2     | 86          | Đinh Thị       | Dịu    | 17/01/1985            | Nữ        | Yên Mông   | TP Hòa Bình | GDCD          | DTNT                  |
| 3     | 87          | Xa Thị         | Phượng | 15/05/1985            | Nữ        | TT Đà Bắc  | Đà Bắc      | GDCD          | DTNT                  |
| 4     | 88          | Bùi Bích       | Thảo   | 30/10/1987            | Nữ        | Quy Hậu    | Tân Lạc     | GDCD          | DTNT                  |
| 5     | 89          | Hoàng Thị Hồng | Vân    | 18/10/1988            | Nữ        | Lâm Sơn    | Lương Sơn   | GDCD          | DTNT                  |
| 6     | 90          | Nguyễn Thị Thu | Hà     | 03/07/1989            | Nữ        | Mường Khén | Tân Lạc     | Sinh học      | DTNT                  |
| 7     | 91          | Dương Việt     | Hồng   | 27/11/1989            | Nữ        | Tử Nê      | Tân Lạc     | Sinh học      | DTNT                  |
| 8     | 92          | Đinh Thị Mai   | Linh   | 04/11/1990            | Nữ        | Tân Hòa    | TP Hòa Bình | Sinh học      | DTNT                  |
| 9     | 93          | Bùi Đức        | Mậu    | 16/01/1988            | Nam       | Đông Lai   | Tân lạc     | Sinh học      | DTNT                  |
| 10    | 94          | Nguyễn Thị     | Nhung  | 18/09/1987            | Nữ        | TT Đà Bắc  | Đà Bắc      | Sinh học      | DTNT                  |
| 11    | 95          | Nguyễn Thị Thu | Hiền   | 21/07/1988            | Nữ        | Hợp Kim    | Kim Bôi     | Tiếng Anh     | DTNT                  |
| 12    | 96          | Nguyễn Thị     | Phương | 10/01/1988            | Nữ        | Phương Lâm | TP Hòa Bình | Tiếng Anh     | DTNT                  |
| 13    | 97          | Bùi Thanh      | Dung   | 29/01/1989            | Nữ        | Yên Trị    | Yên Thủy    | Toán          | DTNT                  |
| 14    | 98          | Nguyễn Thùy    | Dung   | 14/09/1989            | Nữ        | Đồng Tiến  | TP Hòa Bình | Toán          | DTNT                  |
| 15    | 99          | Nguyễn Thiện   | Duy    | 27/09/1989            | Nam       | Thái Bình  | TP Hòa Bình | Toán          | DTNT                  |
| 16    | 100         | Bùi Thị Thu    | Huyền  | 04/10/1989            | Nữ        | Ân Nghĩa   | Lạc Sơn     | Toán          | DTNT                  |
| 17    | 101         | Vũ Thị         | Liên   | 30/07/1990            | Nữ        | An Lạc     | Lạc Thủy    | Toán          | DTNT                  |
| 18    | 102         | Hà Văn         | Luân   | 14/04/1988            | Nam       | Tân Pheo   | Đà Bắc      | Toán          | DTNT                  |
| 19    | 103         | Bùi Thị        | Thư    | 12/08/1988            | Nữ        | Ngọc Lâu   | Lạc Sơn     | Toán          | DTNT                  |
| 20    | 104         | Trần Mạnh      | Toàn   | 12/11/1989            | Nam       | Cố Nghĩa   | Lạc Thủy    | Toán          | DTNT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đào

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 5**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên      |       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu    |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|----------------|-------|-----------------------|-----------|------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |                |       |                       |           | Xã         | huyện       |               |                       |
| 1     | 105         | Bùi Thị Thúy   | An    | 24/10/1988            | Nữ        | TT Vụ Bản  | Lạc Sơn     | Địa Lý        | DTNT                  |
| 2     | 106         | Quách Thị      | Bích  | 04/11/1987            | Nữ        | Đồng Môn   | Lạc Thủy    | Địa Lý        | DTNT                  |
| 3     | 107         | Phạm Thành     | Công  | 27/08/1990            | Nam       | Ngọc Mỹ    | Tân Lạc     | Địa Lý        | DTNT                  |
| 4     | 108         | Đinh Thị Hồng  | Chiêm | 28/09/1989            | Nữ        | Hợp Thành  | Kỳ Sơn      | Địa Lý        | DTNT                  |
| 5     | 109         | Triệu Thị      | Chiến | 07/03/1989            | Nữ        | Bình Sơn   | Kim Bôi     | Địa Lý        | DTNT                  |
| 6     | 110         | Lê Thị Kim     | Dung  | 11/09/1990            | Nữ        | Dân Hòa    | Kỳ Sơn      | Địa Lý        | DTNT                  |
| 7     | 111         | Bùi Văn        | Dương | 07/07/1988            | Nam       | Chí Thiện  | Lạc Sơn     | Địa Lý        | DTNT                  |
| 8     | 112         | Phạm Thế       | Đạt   | 16/11/1988            | Nam       | Tú Sơn     | Kim Bôi     | Địa Lý        | DTNT                  |
| 9     | 113         | Nguyễn Thị     | Đào   | 20/07/1989            | Nữ        | Ngọc Lương | Yên Thủy    | Địa Lý        | DTNT                  |
| 10    | 114         | Hà Quang       | Đông  | 31/10/1985            | Nam       | Tu Lý      | Đà Bắc      | Địa Lý        | DTNT                  |
| 11    | 115         | Trịnh Minh     | Đức   | 08/10/1988            | Nam       | TT Đà Bắc  | Đà Bắc      | Địa Lý        | DTNT                  |
| 12    | 116         | Vũ Thị         | Hào   | 26/07/1989            | Nữ        | Hợp Kim    | Kim Bôi     | Địa Lý        | DTNT                  |
| 13    | 117         | Hà Thị         | Hoa   | 24/08/1987            | Nữ        | Xăm Khõe   | Mai Châu    | Địa Lý        | DTNT                  |
| 14    | 118         | Bàn Văn        | Hồng  | 22/05/1985            | Nam       | Cao Sơn    | Đà Bắc      | Địa Lý        | DTNT                  |
| 15    | 119         | Hà Thị Thu     | Hương | 07/05/1987            | Nữ        | Thịnh Lang | TP Hòa Bình | Địa Lý        | DTNT                  |
| 16    | 120         | Nguyễn Trung   | Kiên  | 17/09/1989            | Nam       | Ngọc Lương | Yên Thủy    | Địa Lý        | DTNT                  |
| 17    | 121         | Nguyễn Thị Mai | Lan   | 01/07/1986            | Nữ        | TT Chi Nê  | Lạc Thủy    | Địa Lý        | DTNT                  |
| 18    | 122         | Bùi Văn        | Linh  | 01/04/1989            | Nam       | Tú Sơn     | Kim Bôi     | Địa Lý        | DTNT                  |
| 19    | 123         | Nguyễn Thùy    | Linh  | 20/02/1987            | Nữ        | Cố Nghĩa   | Lạc Thủy    | Địa Lý        | DTNT                  |
| 20    | 124         | Bùi Thanh      | Loan  | 23/07/1989            | Nữ        | TT Vụ Bản  | Lạc Sơn     | Địa Lý        | DTNT                  |
| 21    | 125         | Bùi Thị        | Lý    | 10/07/1987            | Nữ        | Thanh Nông | Lạc Thủy    | Địa Lý        | DTNT                  |
| 22    | 126         | Bùi Thị        | Mai   | 16/11/1988            | Nữ        | Liên Vũ    | Lạc Sơn     | Địa Lý        | DTNT                  |
| 23    | 127         | Đặng Thị       | Nga   | 10/07/1986            | Nữ        | TT Bo      | Kim Bôi     | Địa Lý        | DTNT                  |
| 24    | 128         | Bùi Thị        | Nga   | 16/06/1985            | Nữ        | Bảo Hiệu   | Yên Thủy    | Địa Lý        | DTNT                  |
| 25    | 129         | Bùi Thị        | Ngân  | 27/01/1990            | Nữ        | Sơn Thủy   | Kim Bôi     | Địa Lý        | DTNT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Bùi Ngọc Đảo

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 6**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu     |           | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|-----------|-------------|-----------|---------------|-----------------------|
|       |             |                       |                       |           | Xã          | huyện     |               |                       |
| 1     | 130         | Đinh Thị Ngoan        | 04/08/1987            | Nữ        | Lâm Sơn     | Lương Sơn | Địa Lý        | DTNT                  |
| 2     | 131         | Quách Thị Ngọ         | 20/10/1990            | Nữ        | Thượng Bì   | Kim Bôi   | Địa Lý        | DTNT                  |
| 3     | 132         | Bùi Thị Ngọc          | 30/09/1990            | Nữ        | Phú Vinh    | Tân Lạc   | Địa Lý        | DTNT                  |
| 4     | 133         | Nguyễn Thị Nguyệt     | 28/09/1989            | Nữ        | Quy Hậu     | Tân Lạc   | Địa Lý        | DTNT                  |
| 5     | 134         | Đỗ Thị Bạch Phương    | 19/05/1989            | Nữ        | Tú Sơn      | Kim Bôi   | Địa Lý        | DTNT                  |
| 6     | 135         | Nguyễn Thị Phương     | 20/10/1988            | Nữ        | Yên Lạc     | Yên Thủy  | Địa Lý        | DTNT                  |
| 7     | 136         | Phan Lan Phương       | 26/02/1989            | Nữ        | Phong Phú   | Tân Lạc   | Địa Lý        | DTNT                  |
| 8     | 137         | Nguyễn Thị Quỳnh      | 12/10/1987            | Nữ        | Hợp Thịnh   | Kỳ Sơn    | Địa Lý        | DTNT                  |
| 9     | 138         | Nguyễn Thị Ngọc Quyên | 20/10/1990            | Nữ        | Dân Hạ      | Kỳ Sơn    | Địa Lý        | DTNT                  |
| 10    | 139         | Nguyễn Thị Thảo       | 14/10/1986            | Nữ        | Yên Lạc     | Yên Thủy  | Địa Lý        | DTNT                  |
| 11    | 140         | Ngân Thị Thắm         | 01/08/1988            | Nữ        | Noong Luông | Mai Châu  | Địa Lý        | DTNT                  |
| 12    | 141         | Bùi Văn Thắng         | 18/01/1988            | Nam       | Lạc Sỹ      | Yên Thủy  | Địa Lý        | DTNT                  |
| 13    | 142         | Bùi Thị Thủy          | 22/08/1988            | Nữ        | Sơn Thủy    | Kim Bôi   | Địa Lý        | DTNT                  |
| 14    | 143         | Trần Văn Tiêm         | 07/03/1989            | Nam       | Yên Trị     | Yên Thủy  | Địa Lý        | DTNT                  |
| 15    | 144         | Bùi Thị Cẩm Tú        | 28/03/1988            | Nữ        | Cố Nghĩa    | Lạc Thủy  | Địa Lý        | DTNT                  |
| 16    | 145         | Trần Xuân Tuấn        | 01/07/1985            | Nam       | Thanh Hà    | Lạc Thủy  | Địa Lý        | DTNT                  |
| 17    | 146         | Mai Thị Tuyến         | 26/05/1988            | Nữ        | TT Bo       | Kim Bôi   | Địa Lý        | DTNT                  |
| 18    | 147         | Bùi Thị Cẩm Vân       | 17/10/1989            | Nữ        | Liên Vũ     | Lạc Sơn   | Địa Lý        | DTNT                  |
| 19    | 148         | Nguyễn Thị Vân        | 18/06/1987            | Nữ        | Vinh Tiến   | Kim Bôi   | Địa Lý        | DTNT                  |
| 20    | 149         | Lê Thị Hoàng Yến      | 26/10/1989            | Nữ        | Long Sơn    | Lương Sơn | Địa Lý        | DTNT                  |
| 21    | 150         | Nguyễn Thị Hải Yến    | 27/08/1987            | Nữ        | Dân Hạ      | Kỳ Sơn    | Địa Lý        | DTNT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Bùi Ngọc Đảo

DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên       |        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu      |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|-----------------|--------|-----------------------|-----------|--------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |                 |        |                       |           | Xã           | huyện       |               |                       |
| 1     | 151         | Đình Văn        | Bình   | 23/12/1986            | Nam       | Thống Nhất   | TP Hòa Bình | Mỹ Thuật      | DTNT                  |
| 2     | 152         | Bùi Văn         | Dự     | 14/02/1985            | Nam       | Phú Lão      | Lạc Thủy    | Mỹ Thuật      | DTNT                  |
| 3     | 153         | Vì Văn          | Đồng   | 17/01/1986            | Nam       | Mai Hịch     | Mai Châu    | Mỹ Thuật      | DTNT                  |
| 4     | 154         | Lê Thanh        | Huyền  | 25/09/1988            | Nữ        | Cố Nghĩa     | Lạc Thủy    | Mỹ Thuật      | DTNT                  |
| 5     | 155         | Bùi Thị         | Lan    | 18/02/1988            | Nữ        | Phú Lão      | Lạc Thủy    | Mỹ Thuật      | DTNT                  |
| 6     | 156         | Bùi Văn         | Minh   | 12/09/1988            | Nam       | Lạc Hưng     | Yên Thủy    | Mỹ Thuật      | DTNT                  |
| 7     | 157         | Ngân Thị        | Ngân   | 26/11/1990            | Nữ        | Nà Mèo       | Mai Châu    | Mỹ Thuật      | DTNT                  |
| 8     | 158         | Trần Thị        | Thương | 17/08/1989            | Nữ        | TT Hàng Trám | Yên Thủy    | Mỹ Thuật      | DTNT                  |
| 9     | 159         | Đỗ Công         | Việt   | 01/01/1986            | Nam       | Tu Lý        | Đà Bắc      | Mỹ Thuật      | DTNT                  |
| 10    | 160         | Đặng Thị Thùy   | Dung   | 04/11/1985            | Nữ        | Phương Lâm   | TP Hòa Bình | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 11    | 161         | Nguyễn Thùy     | Dương  | 06/11/1986            | Nữ        | Yên Bồng     | Lạc Thủy    | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 12    | 162         | Bùi Văn         | Đạo    | 09/09/1990            | Nam       | Đú Sáng      | Kim Bôi     | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 13    | 163         | Nguyễn Thị      | Hiền   | 10/08/1986            | Nữ        | Mỵ Hòa       | Kim Bôi     | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 14    | 164         | Bùi Thị         | Huế    | 15/12/1987            | Nữ        | Kim Bôi      | Kim Bôi     | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 15    | 165         | Đỗ Quang        | Huy    | 14/12/1986            | Nam       | TT Đà Bắc    | Đà Bắc      | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 16    | 166         | Nguyễn Thị Thùy | Linh   | 08/04/1990            | Nữ        | Tân Thịnh    | TP Hòa Bình | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 17    | 167         | Quách Thị       | Phương | 07/06/1987            | Nữ        | Đồng Ruộng   | Đà Bắc      | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 18    | 168         | Nguyễn Thái     | Son    | 27/09/1989            | Nam       | TT Mai Châu  | Mai Châu    | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 19    | 169         | Trần Thị        | Son    | 18/01/1991            | Nữ        | Tây Phong    | Cao Phong   | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 20    | 170         | Bùi Văn         | Tặng   | 18/04/1984            | Nam       | Tân Lập      | Lạc Sơn     | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 21    | 171         | Nguyễn Hương    | Thảo   | 25/11/1986            | Nữ        | TT Bo        | Kim Bôi     | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 22    | 172         | Bùi Đức         | Thắng  | 21/11/1990            | Nam       | Đú Sáng      | Kim Bôi     | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 23    | 173         | Nguyễn Thị Hiền | Thu    | 23/02/1991            | Nữ        | Khoan Dụ     | Lạc Thủy    | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 24    | 174         | Nguyễn Thanh    | Tuấn   | 09/10/1989            | Nam       | Quy Hậu      | Tân Lạc     | Âm nhạc       | DTNT                  |
| 25    | 175         | Vũ Văn          | Tuấn   | 13/12/1987            | Nam       | Phú Thành    | Lạc Thủy    | Âm nhạc       | DTNT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Ngọc Đảo

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 8**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên       |       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu       |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|-----------------|-------|-----------------------|-----------|---------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |                 |       |                       |           | Xã            | huyện       |               |                       |
| 1     | 176         | Đặng Thị Ngọc   | Anh   | 17/03/1989            | Nữ        | Hạ Bì         | Kim Bôi     | Toán          | THPT                  |
| 2     | 177         | Vũ Đức          | Anh   | 15/02/1989            | Nam       | Cố Nghĩa      | Lạc Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 3     | 178         | Vân Trọng       | Bình  | 12/07/1985            | Nam       | TT Cao Phong  | Cao Phong   | Toán          | THPT                  |
| 4     | 179         | Lê Thanh        | Ba    | 18/10/1987            | Nam       | Phú Lão       | Lạc Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 5     | 180         | Nguyễn Thị Hải  | Bên   | 13/04/1988            | Nữ        | Yên Mông      | Hòa Bình    | Toán          | THPT                  |
| 6     | 181         | Đinh Thanh      | Cảnh  | 20/01/1986            | Nam       | Liên Vũ       | Lạc Sơn     | Toán          | THPT                  |
| 7     | 182         | Nguyễn Thùy     | Dung  | 06/02/1985            | Nữ        | Thịnh Lang    | TP Hòa Bình | Toán          | THPT                  |
| 8     | 183         | Trần Thị        | Dung  | 01/09/1990            | Nữ        | Lạc Thịnh     | Yên Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 9     | 184         | Tống Thị Thùy   | Dương | 22/04/1990            | Nữ        | Thanh Hà      | Lạc Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 10    | 185         | Nguyễn Tuấn -   | Điệp  | 17/02/1989            | Nam       | TT Kỳ Sơn     | Kỳ Sơn      | Toán          | THPT                  |
| 11    | 186         | Bùi Văn         | Độ    | 30/04/1989            | Nam       | Quý Hòa       | Lạc Sơn     | Toán          | THPT                  |
| 12    | 187         | Nguyễn Thị      | Hà    | 24/11/1989            | Nữ        | TT Lương Sơn  | Lương Sơn   | Toán          | THPT                  |
| 13    | 188         | Bùi Xuân        | Hải   | 13/09/1986            | Nam       | Hữu Nghị      | TP Hòa Bình | Toán          | THPT                  |
| 14    | 189         | Tạ Minh         | Hạnh  | 16/12/1989            | Nữ        | Lạc Long      | Lạc Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 15    | 190         | Bùi Thị         | Hằng  | 12/08/1989            | Nữ        | An Bình       | Lạc Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 16    | 191         | Bùi Thị         | Hiếu  | 20/09/1990            | Nữ        | Đa Phúc       | Yên Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 17    | 192         | Bùi Văn         | Hữu   | 30/07/1988            | Nam       | Tân Mỹ        | Lạc Sơn     | Toán          | THPT                  |
| 18    | 193         | Bùi Thị         | Hòa   | 16/02/1989            | Nữ        | Vinh Tiến     | Kim Bôi     | Toán          | THPT                  |
| 19    | 194         | Bùi Văn         | Huế   | 08/06/1990            | Nam       | Hợp Đồng      | Kim Bôi     | Toán          | THPT                  |
| 20    | 195         | Dương Thị       | Huế   | 04/05/1987            | Nữ        | Yên Trị       | Yên Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 21    | 196         | Lê Quang        | Huy   | 28/12/1986            | Nam       | TT Bo         | Kim Bôi     | Toán          | THPT                  |
| 22    | 197         | Bùi Văn         | Hưng  | 09/07/1987            | Nam       | Tân Mỹ        | Lạc Sơn     | Toán          | THPT                  |
| 23    | 198         | Nguyễn Thị Thu  | Hường | 30/08/1988            | Nữ        | Mông Hóa      | Kỳ Sơn      | Toán          | THPT                  |
| 24    | 199         | Nguyễn Thu      | Hường | 29/04/1990            | Nữ        | Lạc Long      | Lạc Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 25    | 200         | Hoàng Trung     | Kiên  | 24/09/1989            | Nam       | Vụ Bản        | Lạc Sơn     | Toán          | THPT                  |
| 26    | 201         | Hà Văn          | Lanh  | 10/08/1984            | Nam       | Tân Thịnh     | TP Hòa Bình | Toán          | THPT                  |
| 27    | 202         | Trần Hà         | Linh  | 01/01/1990            | Nữ        | TT Mường Khến | Tân Lạc     | Toán          | THPT                  |
| 28    | 203         | Nguyễn Thị Ngọc | Ly    | 10/08/1987            | Nữ        | Phương Lâm    | TP Hòa Bình | Toán          | THPT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Bùi Ngọc Đảo**

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 9**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên     |        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu       |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|---------------|--------|-----------------------|-----------|---------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |               |        |                       |           | Xã            | huyện       |               |                       |
| 1     | 204         | Dư Thị Thanh  | Mai    | 14/09/1988            | Nữ        | TT Cao Phong  | Cao Phong   | Toán          | THPT                  |
| 2     | 205         | Đinh Thị Hồng | Mận    | 20/10/1988            | Nữ        | Yên Bình      | Lạc Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 3     | 206         | Nguyễn Thị    | Mơ     | 05/08/1990            | Nữ        | TT Cao Phong  | Cao Phong   | Toán          | THPT                  |
| 4     | 207         | Vũ Thị        | Nga    | 10/06/1989            | Nữ        | Tuân Lộ       | Tân Lạc     | Toán          | THPT                  |
| 5     | 208         | Bùi Thị       | Ngân   | 29/08/1990            | Nữ        | Hạ Bì         | Kim Bôi     | Toán          | THPT                  |
| 6     | 209         | Vũ Thị        | Ngân   | 02/10/1989            | Nữ        | Vũ Lâm        | Lạc Sơn     | Toán          | THPT                  |
| 7     | 210         | Bùi Thị       | Nhân   | 18/05/1990            | Nữ        | Ấn Nghĩa      | Lạc Sơn     | Toán          | THPT                  |
| 8     | 211         | Phạm Thị      | Nhân   | 09/03/1989            | Nữ        | Tân Hòa       | TP Hòa Bình | Toán          | THPT                  |
| 9     | 212         | Hoàng Thị     | Nhung  | 30/01/1987            | Nữ        | P Thái Bình   | TP Hòa Bình | Toán          | THPT                  |
| 10    | 213         | Trần Thị Hồng | Nhung  | 28/12/1989            | Nữ        | Phú Lương     | Lạc Sơn     | Toán          | THPT                  |
| 11    | 214         | Phạm Thị      | Phương | 01/09/1990            | Nữ        | Xuất Hóa      | Lạc Sơn     | Toán          | THPT                  |
| 12    | 215         | Bùi Trần      | Quân   | 26/02/1987            | Nam       | Phú Thành     | Lạc Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 13    | 216         | Nguyễn Ngọc   | Sáng   | 16/10/1986            | Nam       | Đồng Tiến     | Tp Hòa Bình | Toán          | THPT                  |
| 14    | 217         | Dương Đức     | Thìn   | 08/08/1988            | Nam       | Yên Bồng      | Lạc Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 15    | 218         | Lê Thị Lê     | Thủy   | 20/08/1990            | Nữ        | Từ Nê         | Tân Lạc     | Toán          | THPT                  |
| 16    | 219         | Nguyễn Phương | Thủy   | 28/11/1989            | Nữ        | Lâm Sơn       | Lương Sơn   | Toán          | THPT                  |
| 17    | 220         | Nguyễn Thu    | Thủy   | 19/06/1989            | Nữ        | TT Lương Sơn  | Lương Sơn   | Toán          | THPT                  |
| 18    | 221         | Trần Thị Thu  | Thủy   | 18/11/1988            | Nữ        | TT Mường Khến | Tân Lạc     | Toán          | THPT                  |
| 19    | 222         | Bùi Hà        | Thương | 13/05/1990            | Nữ        | Cố Nghĩa      | Lạc Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 20    | 223         | Trịnh Thị     | Thương | 03/05/1990            | Nữ        | TT Hàng Trạm  | Yên Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 21    | 224         | Nguyễn Văn    | Tùng   | 09/03/1985            | Nam       | Vụ Bản        | Lạc Sơn     | Toán          | THPT                  |
| 22    | 225         | Nguyễn Thị    | Trang  | 12/05/1986            | Nữ        | Đồng Tiến     | Tp Hòa Bình | Toán          | THPT                  |
| 23    | 226         | Nguyễn Thu    | Trang  | 30/08/1989            | Nữ        | TT Lương Sơn  | Lương Sơn   | Toán          | THPT                  |
| 24    | 227         | Đinh Thị Mỹ   | Tuyền  | 02/08/1989            | Nữ        | TT Hàng Trạm  | Yên Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 25    | 228         | Bùi Thị       | Vân    | 15/06/1988            | Nữ        | Đa Phúc       | Yên Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 26    | 229         | Hà Thị Thanh  | Vân    | 17/03/1988            | Nữ        | TT Đà Bắc     | Đà Bắc      | Toán          | THPT                  |
| 27    | 230         | Đỗ Thị Thanh  | Xuân   | 12/11/1988            | Nữ        | TT Hàng Trạm  | Yên Thủy    | Toán          | THPT                  |
| 28    | 231         | Quách Thị     | Yến    | 08/06/1989            | Nữ        | TT Bo         | Kim Bôi     | Toán          | THPT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

  
**Bùi Ngọc Đảo**

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 10**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên     |        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu      |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|---------------|--------|-----------------------|-----------|--------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |               |        |                       |           | Xã           | huyện       |               |                       |
| 1     | 232         | Bùi Thị       | Chinh  | 05/09/1987            | Nữ        | Bảo Hiệu     | Yên Thủy    | Vật lý        | THPT                  |
| 2     | 233         | Bùi Mạnh      | Cường  | 08/03/1988            | Nam       | Liên Vũ      | Lạc Sơn     | Vật lý        | THPT                  |
| 3     | 234         | Nguyễn Thị Hà | Dương  | 03/06/1990            | Nữ        | TT Bo        | Kim Bôi     | Vật lý        | THPT                  |
| 4     | 235         | Nguyễn Đình   | Đạt    | 07/11/1988            | Nam       | Cao Thắng    | Lương Sơn   | Vật lý        | THPT                  |
| 5     | 236         | Bùi Minh      | Đức    | 30/05/1989            | Nam       | TT Vụ Bản    | Lạc Sơn     | Vật lý        | THPT                  |
| 6     | 237         | Tạ Thị Thu    | Hàng   | 06/12/1989            | Nữ        | Bắc Phong    | Cao Phong   | Vật lý        | THPT                  |
| 7     | 238         | Bùi Thị       | Hoài   | 21/07/1989            | Nữ        | Dân Chủ      | Tp Hòa Bình | Vật lý        | THPT                  |
| 8     | 239         | Bùi Văn       | Huấn   | 16/4/1987             | Nam       | Tây Phong    | Cao Phong   | Vật lý        | THPT                  |
| 9     | 240         | Bùi Thị Ngọc  | Mai    | 18/01/1988            | Nữ        | Ân Nghĩa     | Lạc Sơn     | Vật lý        | THPT                  |
| 10    | 241         | Trần Trọng    | Nam    | 14/02/1986            | Nam       | Tử Nê        | Tân Lạc     | Vật lý        | THPT                  |
| 11    | 242         | Hoàng Kim     | Ngân   | 04/01/1990            | Nữ        | TT Lương Sơn | Lương Sơn   | Vật lý        | THPT                  |
| 12    | 243         | Ngô Thị       | Ngân   | 29/01/1990            | Nữ        | Trung bì     | Kim Bôi     | Vật lý        | THPT                  |
| 13    | 244         | Nguyễn Thùy   | Phuong | 23/04/1986            | Nữ        | Thanh Hối    | Tân Lạc     | Vật lý        | THPT                  |
| 14    | 245         | Nguyễn Thị    | Phượng | 15/02/1990            | Nữ        | TT Bo        | Kim Bôi     | Vật lý        | THPT                  |
| 15    | 246         | Nguyễn Thị    | Thương | 20/11/1990            | Nữ        | TT Cao Phong | Cao Phong   | Vật lý        | THPT                  |
| 16    | 247         | Bùi Văn       | Thành  | 19/04/1987            | Nam       | Lạc Lương    | Yên Thủy    | Vật lý        | THPT                  |
| 17    | 248         | Dương Tiến    | Thọ    | 30/08/1988            | Nam       | Yên Bổng     | Lạc Thủy    | Vật lý        | THPT                  |
| 18    | 249         | Bùi Thị       | Thắm   | 21/01/1990            | Nữ        | Nhân Nghĩa   | Lạc Sơn     | Vật lý        | THPT                  |
| 19    | 250         | Phạm Ngọc     | Thúy   | 12/08/1990            | Nữ        | Hợp Kim      | Kim Bôi     | Vật lý        | THPT                  |
| 20    | 251         | Bùi Thị       | Thu    | 05/09/1988            | Nữ        | Bắc Phong    | Cao Phong   | Vật lý        | THPT                  |
| 21    | 252         | Hà Việt       | Trường | 12/01/1986            | Nam       | Hợp Thịnh    | Kỳ Sơn      | Vật lý        | THPT                  |
| 22    | 253         | Nguyễn Thành  | Trung  | 06/05/1987            | Nam       | Phương Lâm   | Tp Hòa Bình | Vật lý        | THPT                  |
| 23    | 254         | Lưu Văn       | Tuấn   | 26/09/1989            | Nam       | TT Vụ Bản    | Lạc Sơn     | Vật lý        | THPT                  |
| 24    | 255         | Nguyễn Minh   | Vương  | 10/04/1986            | Nam       | Hạ Bì        | Kim Bôi     | Vật lý        | THPT                  |
| 25    | 256         | Phạm Thị      | Xuân   | 24/12/1989            | Nữ        | Bình Thanh   | Cao Phong   | Vật lý        | THPT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Bùi Ngọc Đảo**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên       |       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu       |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|-----------------|-------|-----------------------|-----------|---------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |                 |       |                       |           | Xã            | huyện       |               |                       |
| 1     | 257         | Quách Văn       | Anh   | 08/07/1989            | Nam       | Đa Phúc       | Yên Thủy    | Hóa học       | THPT                  |
| 2     | 258         | Đinh Công       | Bài   | 02/08/1987            | Nam       | Hợp Đồng      | Kim Bôi     | Hóa học       | THPT                  |
| 3     | 259         | Bùi Văn         | Ba    | 20/09/1987            | Nam       | Bảo Hiệu      | Yên Thủy    | Hóa học       | THPT                  |
| 4     | 260         | Vũ Thị Khánh    | Chi   | 23/10/1990            | Nữ        | Đồng Tiến     | Tp Hòa Bình | Hóa học       | THPT                  |
| 5     | 261         | Bùi Thành       | Công  | 05/12/1990            | Nam       | Vĩnh Đông     | Kim Bôi     | Hóa học       | THPT                  |
| 6     | 262         | Nguyễn Thị Thu  | Cúc   | 21/12/1989            | Nữ        | Xuất Hóa      | Lạc Sơn     | Hóa học       | THPT                  |
| 7     | 263         | Mai Ngọc        | Dũng  | 14/10/1986            | Nam       | Phương Lâm    | Tp Hòa Bình | Hóa học       | THPT                  |
| 8     | 264         | Phạm Trung      | Dũng  | 27/04/1989            | Nam       | Cố Nghĩa      | Lạc Thủy    | Hóa học       | THPT                  |
| 9     | 265         | Bùi Văn         | Đạo   | 03/09/1988            | Nam       | Đông Bắc      | Kim Bôi     | Hóa học       | THPT                  |
| 10    | 266         | Nguyễn Sơn      | Đông  | 20/11/1990            | Nam       | Vĩnh Tiến     | Kim Bôi     | Hóa học       | THPT                  |
| 11    | 267         | Nguyễn Thị      | Hiên  | 02/4/1989             | Nữ        | TT Chi Nê     | Lạc Thủy    | Hóa học       | THPT                  |
| 12    | 268         | Vũ Thị Thu      | Hiên  | 11/11/1989            | Nữ        | TT Mường Khến | Tân Lạc     | Hóa học       | THPT                  |
| 13    | 269         | Nguyễn Đức      | Long  | 25/11/1988            | Nam       | TT Đà Bắc     | Đà Bắc      | Hóa học       | THPT                  |
| 14    | 270         | Nguyễn Đăng     | Nhân  | 08/02/1990            | Nam       | Hợp Kim       | Kim Bôi     | Hóa học       | THPT                  |
| 15    | 271         | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 21/07/1988            | Nữ        | Hợp Kim       | Kim Bôi     | Hóa học       | THPT                  |
| 16    | 272         | Hoàng Thị       | Sen   | 02/09/1988            | Nữ        | TT Lương Sơn  | Lương Sơn   | Hóa học       | THPT                  |
| 17    | 273         | Lê Thị Phương   | Thảo  | 31/12/1989            | Nữ        | Phú Thành     | Lạc Thủy    | Hóa học       | THPT                  |
| 18    | 274         | Bùi Thị         | Thu   | 14/04/1989            | Nữ        | Tự Do         | Lạc Sơn     | Hóa học       | THPT                  |
| 19    | 275         | Hoàng Đức       | Thuận | 28/07/1985            | Nam       | Mai Hạ        | Mai Châu    | Hóa học       | THPT                  |
| 20    | 276         | Ngô Thị         | Trang | 01/07/1988            | Nữ        | Phong Phú     | Tân Lạc     | Hóa học       | THPT                  |
| 21    | 277         | Trần Thị Thu    | Trang | 18/05/1989            | Nữ        | TT Hàng Trạm  | Yên Thủy    | Hóa học       | THPT                  |
| 22    | 278         | Lê Thành        | Trung | 30/10/1989            | Nam       | Dân Chủ       | Tp Hòa Bình | Hóa học       | THPT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Bùi Ngọc Đảo

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 12**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên     |       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu       |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|---------------|-------|-----------------------|-----------|---------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |               |       |                       |           | Xã            | huyện       |               |                       |
| 1     | 279         | Dương Thị Vân | Anh   | 11/07/1986            | Nữ        | Hữu Nghị      | Tp Hòa Bình | Sinh học      | THPT                  |
| 2     | 280         | Lê Hoàng      | Anh   | 11/09/1987            | Nam       | Long Sơn      | Lương Sơn   | Sinh học      | THPT                  |
| 3     | 281         | Mai Mai       | Anh   | 16/10/1989            | Nữ        | TT Vụ Bản     | Lạc Sơn     | Sinh học      | THPT                  |
| 4     | 282         | Bùi Thị       | Ánh   | 6/3/1988              | Nữ        | Tú Sơn        | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |
| 5     | 283         | Bùi Thị Thanh | Bình  | 13/07/1984            | Nữ        | Châm Mát      | Hòa Bình    | Sinh học      | THPT                  |
| 6     | 284         | Bùi Thị Hồng  | Hạnh  | 16/04/1986            | Nữ        | TT Mường Khến | Tân Lạc     | Sinh học      | THPT                  |
| 7     | 285         | Thái Văn      | Hải   | 12/07/1985            | Nam       | Bắc Sơn       | Tân Lạc     | Sinh học      | THPT                  |
| 8     | 286         | Bùi Thị       | Hà    | 08/07/1989            | Nữ        | Kim Bôi       | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |
| 9     | 287         | Bùi Thị Thu   | Hằng  | 13/07/1989            | Nữ        | Chi Nê        | Lạc Thủy    | Sinh học      | THPT                  |
| 10    | 288         | Nguyễn Thị    | Hằng  | 04/02/1986            | Nữ        | Hòa Sơn       | Lương Sơn   | Sinh học      | THPT                  |
| 11    | 289         | Bùi Thị       | Hình  | 06/08/1990            | Nữ        | Yên Nghiệp    | Lạc Sơn     | Sinh học      | THPT                  |
| 12    | 290         | Lê Trọng      | Hiệp  | 10/02/1988            | Nam       | Vĩnh Tiến     | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |
| 13    | 291         | Bùi Thị Thu   | Hiền  | 13/12/1988            | Nữ        | Tú Sơn        | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |
| 14    | 292         | Bùi Như       | Hoa   | 29/04/1989            | Nữ        | Thượng Cốc    | Lạc Sơn     | Sinh học      | THPT                  |
| 15    | 293         | Bùi Thị       | Hoa   | 21/5/1987             | Nữ        | Lạc Thịnh     | Yên Thủy    | Sinh học      | THPT                  |
| 16    | 294         | Bùi Thị       | Hơn   | 04/01/1990            | Nữ        | Tự Do         | Lạc Sơn     | Sinh học      | THPT                  |
| 17    | 295         | Trần Thị      | Huệ   | 21/11/1989            | Nữ        | Thanh Hối     | Tân Lạc     | Sinh học      | THPT                  |
| 18    | 296         | Nguyễn Quang  | Huy   | 11/02/1987            | Nam       | Hạ Bì         | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |
| 19    | 297         | Dương Thị     | Huyền | 02/10/1990            | Nữ        | TT Bo         | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |
| 20    | 298         | Lê Thị Phương | Lan   | 09/09/1990            | Nữ        | Chi Nê        | Lạc Thủy    | Sinh học      | THPT                  |
| 21    | 299         | Bùi Thị       | Lan   | 05/1/1985             | Nữ        | Thượng Cốc    | Lạc Sơn     | Sinh học      | THPT                  |
| 22    | 300         | Trần Ngọc     | Lâm   | 30/10/1990            | Nam       | TT Đà Bắc     | Đà Bắc      | Sinh học      | THPT                  |
| 23    | 301         | Bùi Xuân      | Linh  | 26/06/1988            | Nam       | Bảo Hiệu      | Yên Thủy    | Sinh học      | THPT                  |
| 24    | 302         | Hoàng Mai     | Linh  | 05/2/1988             | Nữ        | Tân Hòa       | TP Hòa Bình | Sinh học      | THPT                  |
| 25    | 303         | Bùi Văn       | Lĩnh  | 09/06/1988            | Nam       | Đú Sắng       | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Bùi Ngọc Đảo

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 13**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên        |        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu       |             | Ngành Đăng ký | Khởi đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|------------------|--------|-----------------------|-----------|---------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |                  |        |                       |           | Xã            | huyện       |               |                       |
| 1     | 304         | Nguyễn Thanh     | Loan   | 21/4/1987             | Nữ        | Quy Hậu       | Tân Lạc     | Sinh học      | THPT                  |
| 2     | 305         | Nguyễn Thị       | Lương  | 20/09/1989            | Nữ        | TT Đà Bắc     | Đà Bắc      | Sinh học      | THPT                  |
| 3     | 306         | Trần Thị         | Lương  | 08/08/1986            | Nữ        | Thành Lập     | Lương Sơn   | Sinh học      | THPT                  |
| 4     | 307         | Lê               | Na     | 01/12/1988            | Nữ        | Tân Thịnh     | Tp Hòa Bình | Sinh học      | THPT                  |
| 5     | 308         | Bùi Thị          | Ngại   | 12/10/1988            | Nữ        | Quý Hòa       | Lạc Sơn     | Sinh học      | THPT                  |
| 6     | 309         | Nguyễn T. Phương | Ngọc   | 04/02/1990            | Nữ        | Tứ Sơn        | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |
| 7     | 310         | Bùi Văn          | Nghiệp | 06/10/1990            | Nam       | Liên Vũ       | Lạc Sơn     | Sinh học      | THPT                  |
| 8     | 311         | Bùi Thị          | Nhung  | 08/10/1990            | Nữ        | Hương Nhượng  | Lạc Sơn     | Sinh học      | THPT                  |
| 9     | 312         | Bùi Thị          | Phúc   | 09/12/1989            | Nữ        | Nam Thương    | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |
| 10    | 313         | Bùi Lan          | Phương | 13/08/1990            | Nữ        | Yên Trị       | Yên Thủy    | Sinh học      | THPT                  |
| 11    | 314         | Nguyễn Thị Bích  | Phương | 03/03/1990            | Nữ        | TT Mường Khến | Tân Lạc     | Sinh học      | THPT                  |
| 12    | 315         | Phan Thị Mai     | Phương | 31/12/1990            | Nữ        | Phú Lão       | Lạc Thủy    | Sinh học      | THPT                  |
| 13    | 316         | Xa Thị           | Quê    | 05/02/1988            | Nữ        | Cao Sơn       | Đà Bắc      | Sinh học      | THPT                  |
| 14    | 317         | Bùi Văn          | Quyết  | 15/5/1987             | Nam       | Tự Do         | Lạc Sơn     | Sinh học      | THPT                  |
| 15    | 318         | Bùi Văn          | Sơn    | 08/11/1990            | Nam       | Bình Chân     | Lạc Sơn     | Sinh học      | THPT                  |
| 16    | 319         | Khảm Thị         | Thúy   | 21/12/1984            | Nữ        | Dân Hạ        | Kỳ Sơn      | Sinh học      | THPT                  |
| 17    | 320         | Đinh Thị Kim     | Tiến   | 22/07/1990            | Nữ        | Hữu Lợi       | Yên Thủy    | Sinh học      | THPT                  |
| 18    | 321         | Đặng Thị Thu     | Trang  | 30/06/1989            | Nữ        | Hưng Thi      | Lạc Thủy    | Sinh học      | THPT                  |
| 19    | 322         | Bùi Thị Ngọc     | Trang  | 28/08/1990            | Nữ        | Đông Bắc      | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |
| 20    | 323         | Nguyễn Thị       | Trang  | 21/11/1990            | Nữ        | Tử Nê         | Tân Lạc     | Sinh học      | THPT                  |
| 21    | 324         | Nguyễn Thị Thu   | Trang  | 10/12/1988            | Nữ        | Hữu Nghị      | Tp Hòa Bình | Sinh học      | THPT                  |
| 22    | 325         | Phạm Thu         | Trang  | 10/10/1989            | Nữ        | TT Đà Bắc     | Đà Bắc      | Sinh học      | THPT                  |
| 23    | 326         | Nguyễn Anh       | Tuấn   | 26/09/1989            | Nam       | TT Mường Khến | Tân lạc     | Sinh học      | THPT                  |
| 24    | 327         | Bùi Thị Khánh    | Vân    | 18/04/1989            | Nữ        | Tân Hòa       | Tp Hòa Bình | Sinh học      | THPT                  |
| 25    | 328         | Nguyễn Mai       | Vân    | 02/11/1990            | Nữ        | TT Bo         | Kim Bôi     | Sinh học      | THPT                  |
| 26    | 329         | Bùi Thị          | Xuân   | 13/08/1989            | Nữ        | Tân Hòa       | Tp Hòa Bình | Sinh học      | THPT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Bùi Ngọc Đảo

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 14**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên       |        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu       |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|-----------------|--------|-----------------------|-----------|---------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |                 |        |                       |           | Xã            | huyện       |               |                       |
| 1     | 330         | Nguyễn Mạnh     | Cường  | 23/02/1987            | Nam       | Trung Minh    | TP Hòa Bình | GDCD          | THPT                  |
| 2     | 331         | Đinh Thị        | Duân   | 19/03/1988            | Nữ        | TT Mường Khến | Tân Lạc     | GDCD          | THPT                  |
| 3     | 332         | Phạm Thùy       | Dung   | 01/02/1989            | Nữ        | Mai Hạ        | Mai Châu    | GDCD          | THPT                  |
| 4     | 333         | Quách Thị       | Duyên  | 10/06/1987            | Nữ        | Thanh Hối     | Tân Lạc     | GDCD          | THPT                  |
| 5     | 334         | Bùi Thị Thu     | Giang  | 07/08/1988            | Nữ        | Trung Sơn     | Lương Sơn   | GDCD          | THPT                  |
| 6     | 335         | Đinh Thị Thu    | Hằng   | 24/10/1990            | Nữ        | Quy Hậu       | Tân Lạc     | GDCD          | THPT                  |
| 7     | 336         | Nhữ Hồng        | Hạnh   | 01/12/1989            | Nữ        | Chăm Mát      | TP Hòa Bình | GDCD          | THPT                  |
| 8     | 337         | Nguyễn Thị      | Hiền   | 24/07/1988            | Nữ        | Yên Trị       | Yên Thủy    | GDCD          | THPT                  |
| 9     | 338         | Hoàng Thị       | Hoa    | 08/04/1990            | Nữ        | Thanh Hà      | Lạc Thủy    | GDCD          | THPT                  |
| 10    | 339         | Nguyễn Thị Hiệp | Hòa    | 12/09/1990            | Nữ        | Thanh Lương   | Lương Sơn   | GDCD          | THPT                  |
| 11    | 340         | Vương Thị       | Hòa    | 21/03/1989            | Nữ        | Lạc Thịnh     | Yên Thủy    | GDCD          | THPT                  |
| 12    | 341         | Nguyễn Thị      | Huyền  | 03/05/1988            | Nữ        | Yên Trị       | Yên Thủy    | GDCD          | THPT                  |
| 13    | 342         | Nguyễn Thị      | Nhung  | 12/07/1988            | Nữ        | TT Lương Sơn  | Lương Sơn   | GDCD          | THPT                  |
| 14    | 343         | Bùi Thu         | Phương | 08/11/1988            | Nữ        | TT Mường Khến | Tân Lạc     | GDCD          | THPT                  |
| 15    | 344         | Quách Thị       | Phòng  | 20/08/1987            | Nữ        | Yên Trị       | Yên Thủy    | GDCD          | THPT                  |
| 16    | 345         | Nguyễn Thị      | Quyên  | 11/03/1989            | Nữ        | Xuất Hóa      | Lạc Sơn     | GDCD          | THPT                  |
| 17    | 346         | Xa Thị          | Thỏa   | 04/10/1984            | Nữ        | Tu Lý         | Đà Bắc      | GDCD          | THPT                  |
| 18    | 347         | Bạch Thị        | Thu    | 24/11/1990            | Nữ        | Thanh Lương   | Lương Sơn   | GDCD          | THPT                  |
| 19    | 348         | Tổng Minh       | Tú     | 20/04/1988            | Nam       | TT Mai Châu   | Mai Châu    | GDCD          | THPT                  |
| 20    | 349         | Bùi Thu         | Trang  | 17/03/1986            | Nữ        | TT Bo         | Kim Bôi     | GDCD          | THPT                  |
| 21    | 350         | Nguyễn Thị      | Trang  | 15/07/1988            | Nữ        | Hợp Kim       | Kim Bôi     | GDCD          | THPT                  |
| 22    | 351         | Nguyễn Thị      | Vân    | 22/12/1989            | Nữ        | Thịnh Lang    | TP Hòa Bình | GDCD          | THPT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Bùi Ngọc Đảo**

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 15**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên        |        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu      |             | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|------------------|--------|-----------------------|-----------|--------------|-------------|---------------|-----------------------|
|       |             |                  |        |                       |           | Xã           | huyện       |               |                       |
| 1     | 352         | Bùi Đình         | Chí    | 12/12/1987            | Nam       | Kim Tiến     | Kim Bôi     | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 2     | 353         | Nguyễn Thùy      | Dương  | 16/07/1984            | Nữ        | Hữu Nghị     | TP Hòa Bình | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 3     | 354         | Nguyễn Thị Thanh | Hiền   | 17/10/1988            | Nữ        | Bảo Hiệu     | Yên Thủy    | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 4     | 355         | Trần Thị Thu     | Hiền   | 04/08/1986            | Nữ        | An Bình      | Lạc Thủy    | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 5     | 356         | Lê Thị Bích      | Liên   | 20/09/1986            | Nữ        | Lâm Sơn      | Lương Sơn   | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 6     | 357         | Phạm Thị         | Liều   | 09/01/1988            | Nữ        | Tử Nê        | Tân Lạc     | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 7     | 358         | Nguyễn Thanh     | Loan   | 30/08/1988            | Nữ        | Châm Mát     | TP Hòa Bình | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 8     | 359         | Nguyễn Thị Thanh | Loan   | 27/06/1986            | Nữ        | Dân Hòa      | Kỳ Sơn      | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 9     | 360         | Đinh Thúy        | Minh   | 29/06/1983            | Nữ        | Hợp Kim      | Kim Bôi     | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 10    | 361         | Lê Quỳnh         | Nga    | 10/10/1987            | Nữ        | Thanh Hà     | Lạc Thủy    | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 11    | 362         | Lê Hồng          | Nhung  | 12/04/1989            | Nữ        | Hạ Bi        | Kim Bôi     | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 12    | 363         | Trần Thị         | Phương | 05/03/1988            | Nữ        | Cố Nghĩa     | Lạc Thủy    | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 13    | 364         | Vũ Thị Bích      | Phương | 22/04/1988            | Nữ        | TT Hàng Trạm | Yên Thủy    | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 14    | 365         | Nguyễn Lệ        | Quyên  | 12/02/1990            | Nữ        | Đú Sảng      | Kim Bôi     | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 15    | 366         | Hà Thị           | Thanh  | 18/09/1989            | Nữ        | Xâm Khê      | Mai Châu    | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 16    | 367         | Tạ Thị           | Then   | 26/06/1987            | Nữ        | Phong Phú    | Tân Lạc     | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 17    | 368         | Đinh Thị Bích    | Thiện  | 09/10/1988            | Nữ        | Tân Thịnh    | TP Hòa Bình | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 18    | 369         | Đinh Thị         | Trinh  | 19/07/1989            | Nữ        | Tuân Lộ      | Tân Lạc     | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 19    | 370         | Bùi Thị          | Uyên   | 22/02/1986            | Nữ        | Tân Lập      | Lạc Sơn     | Tiếng Anh     | THPT                  |
| 20    | 371         | Bùi Ngọc         | Dương  | 19/04/1989            | Nam       | Sào Báy      | Kim Bôi     | GDQP          | THPT                  |
| 21    | 372         | Bùi Văn          | Diệp   | 01/09/1982            | Nam       | Ngọc Lâu     | Lạc Sơn     | GDQP          | THPT                  |
| 22    | 373         | Đinh Thanh       | Huê    | 09/09/1987            | Nam       | TT Đà Bắc    | Đà Bắc      | GDQP          | THPT                  |
| 23    | 374         | Nguyễn Văn       | Huy    | 09/09/1986            | Nam       | Dũng Phong   | Cao Phong   | GDQP          | THPT                  |
| 24    | 375         | Nguyễn Tuấn      | Phượng | 07/06/1984            | Nam       | Nhân Nghĩa   | Lạc Sơn     | GDQP          | THPT                  |
| 25    | 376         | Bùi Văn          | Thành  | 08/09/1986            | Nam       | Tân Thịnh    | TP Hòa Bình | GDQP          | THPT                  |
| 26    | 377         | Bùi Thị          | Vui    | 17/03/1988            | Nữ        | Ân Nghĩa     | Lạc Sơn     | GDQP          | THPT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Bùi Ngọc Đảo

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH**

**PHÒNG SỐ 16**

**DANH SÁCH  
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM TRA, SÁT HẠCH THÔNG QUA PHÒNG VẤN.**

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu      |           | Ngành Đăng ký | Khối đăng ký dự tuyển |
|-------|-------------|----------------------|-----------------------|-----------|--------------|-----------|---------------|-----------------------|
|       |             |                      |                       |           | Xã           | huyện     |               |                       |
| 1     | 378         | Vũ Thanh Bình        | 13/06/1985            | Nam       | Yên Lạc      | Yên Thủy  | Tin           | THPT                  |
| 2     | 379         | Đình Công Đà         | 13/01/1988            | Nam       | Địch Giáo    | Tân Lạc   | Tin           | THPT                  |
| 3     | 380         | Hoàng Anh Hải        | 20/10/1990            | Nam       | Ngọc Mỹ      | Tân Lạc   | Tin           | THPT                  |
| 4     | 381         | Trịnh Thị Hồng Hạnh  | 20/05/1989            | Nữ        | TT Hàng Trạm | Yên Thủy  | Tin           | THPT                  |
| 5     | 382         | Bùi Văn Huân         | 01/09/1986            | Nam       | Ân Nghĩa     | Lạc Sơn   | Tin           | THPT                  |
| 6     | 383         | Nguyễn Thị Thu Hương | 06/03/1988            | Nữ        | TT Hàng Trạm | Yên Thủy  | Tin           | THPT                  |
| 7     | 384         | Hà Công Khánh        | 14/04/1989            | Nam       | Chiềng Châu  | Mai Châu  | Tin           | THPT                  |
| 8     | 385         | Nguyễn Thị Lan       | 08/05/1988            | Nữ        | Quy Hậu      | Tân Lạc   | Tin           | THPT                  |
| 9     | 386         | Hà Thị Lương         | 25/10/1990            | Nữ        | Nà Mèo       | Mai Châu  | Tin           | THPT                  |
| 10    | 387         | Bùi Văn Mạnh         | 11/07/1987            | Nam       | Trung Bì     | Kim Bôi   | Tin           | THPT                  |
| 11    | 388         | Bùi Thị Mơ           | 10/07/1990            | Nữ        | Bình Sơn     | Kim Bôi   | Tin           | THPT                  |
| 12    | 389         | Phạm Thanh Sơn       | 05/12/1985            | Nam       | My Hòa       | Kim Bôi   | Tin           | THPT                  |
| 13    | 390         | Bùi Đình Sở          | 07/02/1989            | Nam       | Yên Thượng   | Cao Phong | Tin           | THPT                  |
| 14    | 391         | Nguyễn Trung Tâm     | 15/12/1984            | Nam       | Sơn Thủy     | Kim Bôi   | Tin           | THPT                  |
| 15    | 392         | Bùi Văn Tấn          | 10/03/1988            | Nam       | Đú Sảng      | Kim Bôi   | Tin           | THPT                  |
| 16    | 393         | Sùng A Thông         | 13/11/1988            | Nam       | Pà Cò        | Mai Châu  | Tin           | THPT                  |
| 17    | 394         | Bùi Thị Thanh        | 29/05/1990            | Nữ        | Thượng Cốc   | Lạc Sơn   | Tin           | THPT                  |
| 18    | 395         | Bùi Thị Thức         | 18/02/1990            | Nữ        | Tự Do        | Lạc Sơn   | Tin           | THPT                  |
| 19    | 396         | Bùi Duy Tiến         | 01/05/1987            | Nam       | TT Vụ Bản    | Lạc Sơn   | Tin           | THPT                  |
| 20    | 397         | Trần Hữu Vượng       | 15/06/1985            | Nam       | Yên Trị      | Yên Thủy  | Tin           | THPT                  |
| 21    | 398         | Đặng Văn Việt        | 07/09/1984            | Nam       | Long Sơn     | Lương Sơn | Tin           | THPT                  |
| 22    | 399         | Tạ Thị Xuân          | 25/3/89               | Nữ        | Hợp Thanh    | Lương Sơn | Công Nghệ     | THPT                  |

Hòa Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2012

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Bùi Ngọc Đảo**